

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Đăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Văn Te.

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phụng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã S, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* ông **Phan Minh T**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: ấp Sơn Thuận, xã S, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C có mặt, ông T vắng mặt (ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Phan Minh T chung sống với nhau vào năm 1980, đến năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn thì bà và ông T chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung là Phan Thị Mỹ Nhiên, sinh ngày 06/3/1983 và Phan Minh Chánh, sinh ngày 27/7/1985, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà C khai không có.

*Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 27/5/2022 ông Phan Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: ông và bà Trần Thị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980, đến năm 1997 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà C không có mâu thuẫn gì lớn. Theo yêu cầu xin ly hôn của bà C thì ông không có ý kiến, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông và bà C có 02 con chung là Phan Thị Mỹ Nhiên, sinh ngày 06/3/1983 và Phan Minh Chánh, sinh ngày 27/7/1985, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do ông không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà C và cũng bận công việc gia đình nên ông không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, ông có yêu cầu xét xử vắng mặt ông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: ông Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] *Về hôn nhân*: bà C và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/10/1997 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà C cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà C và ông T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà C xác định bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà C có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà C không có mâu thuẫn gì lớn nhưng do bà C có qua lại quen biết với người đàn ông khác nên có yêu cầu ly hôn với ông. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà C thì ông T không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông T đều thừa nhận thời điểm ông, bà còn chung sống thì giữa hai bên đã xảy ra những mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà C và ông T đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích hòa giải cho bà C và ông T đoàn tụ nhưng ông T không tham gia mà đồng ý để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Điều này chứng tỏ ông T không muốn cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của ông và bà C. Mặt khác, hiện tại bà C và ông T đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của bà C và ông T đã

trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của bà Trần Thị C là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: bà C và ông T có 02 con chung là Phan Thị Mỹ Nhiên, sinh ngày 06/3/1983 và Phan Minh Chánh, sinh ngày 27/7/1985, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: bà C và ông T không có.

[5] *Về án phí*: bà C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C. Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Phan Minh T.

2. *Về con chung*: ghi nhận bà Trần Thị C và ông Phan Minh T có 02 con chung là Phan Thị Mỹ Nhiên, sinh ngày 06/3/1983 và Phan Minh Chánh, sinh ngày 27/7/1985, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: ghi nhận việc bà C và ông T khai không có tài sản chung, không có nợ chung.

4. *Về án phí*: bà Trần Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007176 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; bà C đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Phú;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thị Hồng Đang**